

Bản án số: 314/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 18/7/2019

V/v tranh chấp : Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Minh Hiền

2. Ông Nguyễn Thành Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Đăng Huy – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 4 tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tuyết Sương – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 543/2018/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về việc tranh chấp “Ly hôn”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 210/2019/QĐST-HNGĐ ngày 01/7/2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 211/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1964

“có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt”

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị Thúy H, sinh năm 1962

Cùng địa chỉ: 64/57/16A Nguyễn Khoái, Phường 2, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh. “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn xin ly hôn và các biên bản tiếp theo sau đó, ông C trình bày:

Ông và bà Trần Thị Thúy H chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh. Quá trình chung sống, vợ chồng ông bắt đầu phát sinh mâu thuẫn từ năm 2015. Nguyên nhân là do cả hai không có sự tin tưởng nhau trong việc tiền bạc, vợ chồng thường xảy ra gây gổ và có lời lẽ xúc phạm nhau. Mâu thuẫn trầm trọng kéo dài từ đầu năm 2016 đến nay, vợ chồng không ai còn quan tâm, thương yêu, chăm sóc nhau mặc dù sinh sống cùng nhà. Ông đã nhiều lần tìm cách hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, tình cảm vợ chồng không thể cải thiện được nữa vì bà H không có thiện chí. Tình trạng này kéo dài ông không thể chịu đựng

và chấp nhận được nữa. Tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn, nếu tiếp tục chung sống với nhau sẽ gây ức chế cho nhau và cuộc sống không có hạnh phúc. Do đó, ông vẫn giữ yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H để ổn định cuộc sống.

- Về con chung: Quá trình chung sống ông C và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 29/11/1997. Con chung đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại biên bản tự khai ngày 10/01/2019, bà Trần Thị Thúy H xác nhận bà và ông C chung sống, có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và ly thân với nhau được 02 năm như lời khai của ông C. Đối với yêu cầu ly hôn của ông C bà chỉ xin ly thân một thời gian sau đó mới ly hôn. Về con chung bà cũng xác nhận bà và ông C có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 29/11/1997, con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: bà và ông C tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần hòa giải đoàn tụ cho các bên, tuy nhiên bà H không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay, ông C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên; bà H vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 phát biểu ý kiến kết luận việc thụ lý và giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã được thực hiện theo đúng, đầy đủ theo quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C. Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Thúy H; Về con chung: căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì ông C và bà H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 29/11/1997, con chung đã trưởng thành nên ông, bà không yêu cầu giải quyết nên không đề cập giải quyết; Về tài sản chung, nợ chung: Ông, bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Ông Nguyễn Văn C có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; Bà Trần Thị Thúy H vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa

án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, kết quả xác minh tại địa phương cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thúy H tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 8 – Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số I/95 ngày 18/11/1995 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh cấp). Quá trình chung giữa ông C và bà H có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông, bà không tin tưởng nhau, không quan tâm, không tôn trọng dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Tại bản tự khai ngày 10/01/2019, bà H đề nghị Tòa án cho ông, bà ly thân với nhau thêm thời gian nữa sau đó mới ly hôn. Tuy nhiên qua các lần triệu tập để hòa giải đoàn tụ vợ chồng đến ngày xét xử bà H vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng, triệu tập hợp lệ. Điều đó thể hiện bà H không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông C và bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Thúy H.

[3] Về con chung: Căn cứ lời khai nhận của đương sự, bản sao giấy khai sinh số 156/97, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận 4, TP. Hồ Chí Minh cấp, có cơ sở xác định ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thúy H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 29/11/1997, hiện nay đã trưởng thành, ông C và bà H không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thúy H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Ông Nguyễn Văn C phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 271 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Văn C

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn C được ly hôn với bà Trần Thị Thúy H (Giấy chứng nhận kết hôn số 65, quyển số I/95 ngày 18/11/1995 do Ủy ban nhân dân Phường X, Quận 8, TP. Hồ Chí Minh cấp)

- Về con chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thúy H có 01 con chung tên Nguyễn Trần Phương T, sinh ngày 29/11/1997 (đã trưởng thành). Ông

Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thúy H không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Thúy H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Án phí LHST số tiền 300.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn C phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông C đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AG/2014/0009606 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4. Ông Nguyễn Văn C đã nộp đủ án phí.

3. Thi hành tại Cơ quan Thi hành án Dân sự có thẩm quyền.

4. Về quyền kháng cáo của đương sự:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND. Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Q.4;
- Chi cục THADS Q4;
- UBND Phường X, Quận 8, TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ,

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên, đóng dấu)

Nguyễn Thị Thanh Thảo